

ẢNH HƯỞNG CỦA QUY HOẠCH “TREO” ĐẾN TÌNH TRẠNG NGHÈO ĐÓI Ở VÙNG VEN ĐÔ THỊ ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

PGS.TS. LÊ KHƯƠNG NINH, NGUYỄN LÊ HOA TUYẾT & HUỖNH HỮU THỌ*

Bài viết ước lượng ảnh hưởng của quy hoạch “treo” – một hiện tượng khá phổ biến tại các vùng ven đô thị ở nước ta mà các nghiên cứu trước đây thường bỏ sót – đến tình trạng nghèo đói ở vùng ven đô thị thông qua mô hình hồi quy Binary Logistic trên cơ sở hệ thống dữ liệu sơ cấp thu thập từ 563 hộ gia đình ở Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL). Kết quả ước lượng cho thấy quy hoạch “treo” là một trong những nguyên nhân chủ yếu làm tăng tỷ lệ đói nghèo ở vùng ven đô thị. Từ đó, bài viết đề xuất các giải pháp góp phần giảm thiểu nghèo đói tại các vùng ven đô thị.

1. Giới thiệu

Nghèo đói luôn là một thách thức đối với nhiều quốc gia vì nó ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình kinh tế, xã hội cũng như chính trị tại đó. Ở nước ta, tỷ lệ hộ nghèo năm 2008 là 12,1% và năm 2009 khoảng 11% [1], trong đó đáng báo động nhất là tình trạng nghèo đói gia tăng bất thường ở các vùng ven đô thị. Theo các nghiên cứu, nguyên nhân của tình trạng nghèo đói ở các vùng ven đô thị là do trình độ học vấn và trình độ chuyên môn thấp, đất canh tác ít, tỷ lệ thất nghiệp cao, tình trạng nhập cư ồ ạt từ nông thôn v.v.. Tuy nhiên, các nghiên cứu trước đây lại bỏ qua hiện tượng quy hoạch “treo”, mặc dù hiện tượng này có ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống của một bộ phận không nhỏ các hộ gia đình vùng ven và được phản ánh khá rộng rãi trên các phương tiện truyền thông đại chúng.

Trong thời gian qua, tốc độ đô thị hóa ở nước ta liên tục tăng nhanh. Nếu vào năm 1989 tỷ lệ dân số sống ở thành thị – một tiêu chí đo lường tỷ lệ đô thị hóa – chỉ khoảng 18,5% thì con số này đã lên đến 23,6% năm 1999, 28% năm 2008, xấp xỉ 30% năm 2009 và có chiều hướng tiếp tục tăng nhanh trong thời gian tới. Bộ Xây dựng dự báo đến năm 2020 dân số đô thị sẽ chiếm 45% dân số cả nước. Với tốc độ đô thị hóa nhanh như vậy, công tác quy hoạch đô thị có vai trò hết sức quan trọng. Song, thực tế những năm gần đây cho thấy, bên cạnh các địa phương làm tốt công tác này,

một số địa phương khác đã để cho tình trạng quy hoạch “treo” xuất hiện tràn lan và kéo dài dai dẳng, làm ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống của người dân. Cụ thể, quy hoạch “treo” khiến cho các hộ gia đình không thể xây dựng, sửa chữa nhà cửa, mở cơ sở kinh doanh, không thể canh tác hay thế chấp để vay vốn làm ăn nên đã tước mất của họ nguồn thu nhập quan trọng. Bên cạnh đó, dưới tác động của đô thị hóa, đất canh tác bị mất dần, buộc người dân vùng ven phải chuyển nghề nhưng lại gặp rất nhiều khó khăn do thiếu sự hỗ trợ của Nhà nước và các doanh nghiệp kinh doanh bất động sản, cùng với thực tế là phần lớn người dân vùng ven thường có trình độ học vấn, trình độ chuyên môn thấp và thiếu tính kỷ luật trong lao động nên khó tìm được việc làm mới trong lĩnh vực công nghiệp hay dịch vụ. Từ đó, thất nghiệp gia tăng, dẫn đến tình trạng thu nhập bấp bênh và đẩy nhiều hộ gia đình vào vòng lẩn quẩn của nghèo đói và tệ nạn xã hội.

Nhận thức được vấn đề trên, chúng tôi thực hiện nghiên cứu này để ước lượng ảnh hưởng của quy hoạch “treo” đến thực trạng nghèo đói của các hộ vùng ven bằng cách sử dụng số liệu sơ cấp thu thập từ 563 hộ được chọn ngẫu nhiên từ các vùng ven đô thị thuộc ĐBSCL. Kết quả tìm được sẽ là căn cứ khoa học để đề xuất giải pháp khắc phục ảnh hưởng tiêu cực của quy hoạch “treo” nhằm góp phần làm giảm tình trạng nghèo đói ở vùng ven các đô thị.

2. Phương pháp và mô hình nghiên cứu

Như đã đề cập, mục tiêu chính của bài viết là ước lượng ảnh hưởng của quy hoạch “treo” đến tình trạng nghèo đói của các hộ gia đình ở các vùng ven đô thị thuộc ĐBSCL. Để đạt được mục tiêu đó, chúng tôi sử dụng mô hình nghiên cứu như sau:

$$HONGHEO = \beta_0 + \beta_1 QHTREO \quad (1)$$

Trong mô hình (1), biến phụ thuộc HONGHEO có giá trị là 1 đối với hộ nghèo và là 0 đối với hộ khác (không nghèo). Trọng tâm của bài viết là ước lượng hệ số để xác định ảnh hưởng của quy hoạch “treo” (QHTREO) đến biến phụ thuộc (HONGHEO). Biến quy hoạch “treo” (QHTREO) có giá trị là 1 đối với hộ có đất bị quy hoạch “treo” và là 0 nếu không bị quy hoạch “treo”. Như đã phân tích, quy hoạch “treo” làm cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của hộ bị đình trệ, do đó làm giảm thu nhập và tăng xác suất nghèo đói của hộ gia đình. Vì vậy, hệ số β_1 được kỳ vọng sẽ có giá trị dương.

Ngoài ra, để cho đầy đủ, hai nhóm yếu tố khác cũng cần được đưa vào mô hình nghiên cứu. Nhóm thứ nhất (theo Dominique (2003), Katsushi (2003), Dominique và Dorothyjean (2004), Lishi (2004) v.v..) bao gồm các yếu tố nội tại của hộ. Vì vậy, mô hình nghiên cứu tình trạng nghèo đói của các hộ gia đình được điều chỉnh thành:

$$HONGHEO = \beta_0 + \beta_1 QHTREO + \beta_2 DIENTICH + \beta_3 THUNHAPLD + \beta_4 HOCVAN + \beta_5 DANGKT + \beta_6 PHUTHUOC \quad (2)$$

Trong mô hình (2), ảnh hưởng của các biến độc lập lên biến phụ thuộc rất dễ nhận thấy. Chẳng hạn, hệ số β_2 của biến DIENTICH – diện tích đất canh tác của hộ (1.000 m²) – được kỳ vọng có giá trị âm vì hộ có nhiều đất canh tác sẽ dễ mở rộng quy mô sản xuất và áp dụng các phương pháp canh tác mới để tăng thu nhập nên sẽ tránh được nghèo đói. Tương tự, hệ số của biến THUNHAPLD (thu nhập bình quân trên lao động) cũng được kỳ vọng có giá trị âm ($\beta_3 < 0$) vì khi thu nhập của lao động trong hộ càng cao thì khả năng gánh vác chi tiêu cho các thành viên khác càng tốt nên cơ hội thoát nghèo cũng cao. Hệ số β_4 của biến HOCVAN (trình độ học vấn của chủ hộ, có giá trị là 1 nếu chủ hộ tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên và là 0 nếu chủ hộ chưa tốt nghiệp trung học phổ thông) cũng sẽ mang giá trị âm vì nếu chủ hộ có trình độ học vấn cao thì cơ hội tìm được

việc làm và khả năng tổ chức cho các thành viên trong hộ tham gia các hoạt động mang lại thu nhập càng cao, do đó xác suất rơi vào tình trạng nghèo đói sẽ càng thấp.

Ngoài ra, một yếu tố nội tại khác là DANGKT – có giá trị là 0 đối với hộ thuần nông và là 1 đối với hộ có tham gia các hoạt động phi nông nghiệp để đa dạng hóa nguồn thu nhập – cũng có ảnh hưởng đến tình trạng nghèo đói của hộ. Hệ số β_5 của biến này cũng được kỳ vọng sẽ mang giá trị âm vì sản xuất nông nghiệp chịu ảnh hưởng rất nhiều của thời tiết, dịch bệnh... cùng với việc giá nông sản thường thấp và không ổn định nên hộ thuần nông thường gặp nhiều rủi ro trong sản xuất. Do đó, xác suất nghèo đói của hộ thuần nông cao hơn các hộ có tham gia các hoạt động phi nông nghiệp. Ngoài ra, khi tỷ lệ người phụ thuộc trên tổng số nhân khẩu (PHUTHUOC) càng cao thì xác suất nghèo đói của hộ cũng càng tăng vì người sống phụ thuộc càng nhiều thì hộ sẽ không đủ điều kiện chăm sóc bản thân và con cái nên dễ bị ốm đau, làm tốn thêm chi phí, do đó dễ lâm vào tình trạng nghèo đói. Như vậy, hệ số β_6 được kỳ vọng mang giá trị dương.

Tuy nhiên, một số nghiên cứu khác như: Jacoby, 2000; Songco, 2002; Van de Walle, 2002; Hundley, 2008; Haapanen & Tervom, 2009; Détang-Dessendre & Gaigné, 2009; Sorek, 2009 v.v.. còn chỉ ra nhóm yếu tố thứ hai là hệ quả đô thị hóa. Vì vậy, mô hình nghiên cứu được sử dụng bao gồm tất cả các yếu tố vừa đề cập ở trên:

$$HONGHEO = \beta_0 + \beta_1 QHTREO + \beta_2 DIENTICH + \beta_3 THUNHAPLD + \beta_4 HOCVAN + \beta_5 DANGKT + \beta_6 PHUTHUOC + \beta_7 KCDCHINH + \beta_8 KCTPHO + \beta_9 KCTHMAI + \beta_{10} KCTRHOC + \beta_{11} NGUONNUOC + \beta_{12} NAM \quad (3)$$

Trong mô hình (3), biến KCTPHO – khoảng cách từ nơi ở của hộ đến trung tâm đô thị (km) – phản ánh cơ hội tạo ra thu nhập cho các hộ vùng ven vì trung tâm đô thị là khu vực sầm uất và phát triển, tạo ra nhiều cơ hội việc làm mang lại thu nhập cao cho lao động vùng ven [2]. Tương tự, biến KCTHMAI (khoảng cách đến khu thương mại), KCDCHINH (khoảng cách đến đường giao thông chính) và KCTRHOC (khoảng cách đến trường học) cũng phản ánh cơ hội tạo ra thu nhập cho các hộ gia đình vùng ven. Cụ thể, những hộ sống gần những nơi tập trung đông người này có

thể tạo ra thu nhập thông qua việc cung cấp các dịch vụ như sửa xe, giữ xe, cắt tóc, mở nhà trọ, giữ trẻ, bán tạp hóa, quán ăn, cho thuê đất v.v.. Do đó, các hệ số từ β_1 đến β_{10} được kỳ vọng có giá trị dương. Ngoài ra, nguồn nước sinh hoạt cũng là yếu tố cần xem xét vì không ai có thể sống thiếu nước. Hệ số β_{11} của biến NGUONNUOC – có giá trị là 0 đối với hộ không có nguồn nước sạch để sử dụng và là 1 đối với hộ có nguồn nước sạch – được kỳ vọng mang giá trị âm vì nước sạch là rất thiết yếu đối với cuộc sống nên việc không có nước sạch để sử dụng sẽ ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, phải tốn nhiều chi phí hơn cho việc điều trị và càng dễ rơi vào tình trạng nghèo đói [3].

Cuối cùng, biến NAM có giá trị là 1 đối với dữ liệu được thu thập năm 2009 và là 0 đối với dữ liệu thu thập năm 2008. Biến này đo lường sự thay đổi theo thời gian của tình trạng nghèo đói của hộ gia đình ở vùng ven các đô thị ở ĐBSCL. Nếu hệ số β_{12} dương nghĩa là xác suất bị rơi vào tình trạng đói nghèo của các hộ trong mẫu khảo sát tăng lên theo thời gian hay xác suất đói nghèo của hộ năm 2009 cao hơn năm 2008 và ngược lại.

3. Mô tả mẫu khảo sát

Như đã đề cập, số liệu sử dụng trong bài viết được thu thập từ 563 hộ sống ở vùng ven các đô thị thuộc ĐBSCL. Theo kết quả khảo sát, số nhân khẩu bình quân của các hộ trong mẫu là 4,17 người và số lao động có việc làm là 2,29 người, nghĩa là nếu tính xấp xỉ thì một lao động phải nuôi thêm một người trong gia đình. Độ tuổi trung bình của chủ hộ là 48,9. Chủ hộ là nam chiếm 78,7% số hộ được khảo sát và có đến 67,5% chủ hộ chưa tốt nghiệp trung học phổ thông. Do đó, 32,1% số hộ vẫn làm nông nghiệp để mưu sinh. Song, do đất ít (chỉ khoảng 3.350 m²/hộ hay 803,4m²/nhân khẩu), hạn chế về năng lực và thiếu vốn sản xuất nên người dân ở đây có nhiều thời gian nhàn rỗi nhưng lại khó tìm được việc làm ổn định khác, dẫn đến thu nhập thấp và đời sống bấp bênh. Để giảm bớt khó khăn của cuộc sống, một số hộ mở các tiệm buôn bán nhỏ, hành nghề tự do (như thợ hồ, hớt tóc, chạy xe ôm, bốc vác v.v.) hay làm công nhân. Chỉ một số rất ít (khoảng 5,7% số hộ được khảo sát) có thành viên trong gia đình là viên chức với thu nhập khá và ổn định.

Bảng 1 cho thấy trong số 563 hộ được khảo sát, có đến 347 hộ có đất bị quy hoạch “treo” (chiếm 61,6%) trong khi chỉ có 216 hộ có đất không bị quy hoạch “treo” (38,4%). Do số liệu được thu thập hoàn toàn ngẫu nhiên nên có thể nói hiện tượng

quy hoạch “treo” diễn ra khá phổ biến ở ĐBSCL. Bảng 1 còn cung cấp thông tin chi tiết về hai loại hộ này thông qua các tiêu chí cơ bản như trình độ học vấn của chủ hộ, số nhân khẩu, tỷ lệ người sống phụ thuộc, thu nhập bình quân trên lao động và tình trạng nghèo đói của hộ. Kết quả kiểm định t cho thấy sự khác biệt về thu nhập (dòng 7 của Bảng 1) và tình trạng nghèo đói (dòng 8) giữa các hộ không bị quy hoạch “treo” và bị quy hoạch “treo” có ý nghĩa thống kê rất cao (ở mức 1%) trong khi các đặc điểm khác của hai loại hộ này không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê.

Bảng 1. Thông tin về mẫu khảo sát

Stt	Tiêu chí	Toàn bộ mẫu	Bị quy hoạch “treo”	Không bị quy hoạch “treo”	Kiểm định t
1	Số hộ	563	347	216	-
2	Tuổi bình quân của chủ hộ	48,85	49,05	48,53	-0,49 ^{NS}
3	Trình độ học vấn bình quân của chủ hộ (0 = chưa tốt nghiệp trung học phổ thông; 1 = đã tốt nghiệp trung học phổ thông)	0,33	0,30	0,37	1,79 ^{NS}
4	Giới tính của chủ hộ (0 = nữ, 1 = nam)	0,79	0,77	0,81	1,08 ^{NS}
5	Số nhân khẩu bình quân (người)	4,17	4,13	4,24	0,74 ^{NS}
6	Tỷ lệ người sống phụ thuộc (%)	21,95	20,88	23,67	1,85 ^{NS}
7	Thu nhập bình quân (triệu đồng/lao động)	1,43	1,35	1,57	2,99 ^{***}
8	Tình trạng nghèo đói hộ (1 = hộ nghèo; 0 = hộ không nghèo) [4]	0,17	0,21	0,10	-3,80 ^{***}

Ghi chú: NS – không có ý nghĩa thống kê; *** – mức ý nghĩa 1%.

Nguồn: Tính toán từ số liệu tự thu thập.

Đặc biệt, thu nhập bình quân trên lao động của hộ có đất bị quy hoạch “treo” chỉ khoảng 1,35 triệu đồng/tháng và – như đã phân tích ở trên – nếu mỗi lao động phải nuôi thêm một người thì đời sống của các hộ này là rất khó khăn, nhất là khi lạm phát tăng cao như vừa qua. Bên cạnh đó, tỷ lệ hộ nghèo ở khu vực không bị quy hoạch “treo” chỉ là 10%, trong khi tỷ lệ này ở khu vực bị quy hoạch “treo” lên đến 21%. Kết quả trên phần nào cho thấy quy hoạch “treo” chính là nguyên nhân của tình trạng nghèo đói của các hộ gia đình vùng ven ở ĐBSCL.

4. Phân tích kết quả hồi quy

Bài viết sử dụng mô hình hồi quy Binary Logistic để ước lượng ảnh hưởng của các biến độc lập đến biến phụ thuộc HONGHEO [5]. Kết quả ước lượng mô hình (1) được trình bày ở cột 2 của Bảng 2. Theo đó, hệ số β_1 của biến QHTREO có giá trị dương 0,906 ở mức ý nghĩa 1%, cho thấy quy hoạch “treo” thực sự là yếu tố quan trọng làm tăng xác suất nghèo đói của các hộ gia đình vùng ven đô thị thuộc ĐBSCL. Thật vậy, giá trị $P_1 = 0,712$ ngụ ý rằng nếu đất bị quy hoạch “treo” thì xác suất nghèo của hộ sẽ tăng lên thành 71,2%. Tuy nhiên, nhược điểm của mô hình này là hệ số xác định (R^2) có giá trị khá thấp (2,6%) nên khó giải thích đầy đủ các yếu tố có ảnh hưởng đến tình trạng nghèo đói của các hộ gia đình vùng ven.

Để khắc phục nhược điểm trên, mô hình (2) sử dụng thêm các biến thể hiện các đặc điểm nội tại của hộ. Với sự có mặt của các biến này, khả năng giải thích của mô hình được cải thiện đáng kể (cột 4). Hầu hết hệ số của các biến mới được đưa vào đều có dấu đúng như kỳ vọng. Cụ thể, hệ số của biến DIENTICH có giá trị âm ($\beta_2 = -0,170$) ở mức ý nghĩa 1%. Khi diện tích đất canh tác của hộ tăng thêm 1.000m², xác suất nghèo của hộ sẽ giảm xuống còn 45,8% ($P_1 = 0,458$). Tương tự, biến THUNHAPLD cũng có ảnh hưởng nghịch chiều đến biến phụ thuộc ở mức ý nghĩa 1% ($\beta_3 = -6,123$) và khi thu nhập bình quân trên lao động trong hộ tăng thêm 1 triệu đồng/lao động thì xác suất nghèo của hộ chỉ còn rất thấp (0,2%). Khác với hai biến trên, biến HOCVAN lại không có ý nghĩa thống kê do hầu hết người dân vùng ven đều có trình độ học vấn khá thấp và ít có sự khác biệt

giữa các hộ.

Ngoài ra, một yếu tố nội tại khác cũng có ảnh hưởng đến tình trạng nghèo đói của hộ là loại hình kinh tế của hộ (DANGKT). Hệ số của biến DANGKT là ở mức ý nghĩa 1%, chứng tỏ hộ thuần nông dễ rơi vào tình trạng nghèo đói hơn các hộ có tham gia các hoạt động phi nông nghiệp để đa dạng hóa nguồn thu nhập. Khi hộ có tham gia các hoạt động phi nông nghiệp, xác suất nghèo của hộ chỉ còn 20,9%. Cuối cùng, biến tỷ lệ người sống phụ thuộc trong hộ (PHUTHUOC) có hệ số ($\beta_6 = 0,088$) ở mức ý nghĩa 1%. Với $P_1 = 0,522$, có thể kết luận rằng nếu tỷ lệ người sống phụ thuộc trong hộ tăng thêm 1% thì xác suất nghèo của hộ sẽ tăng thành 52,2%.

Mô hình (2) khá phù hợp để nghiên cứu thực trạng nghèo đói ở vùng ven đô thị nhưng, như ta đã biết, mô hình này vẫn còn khiếm khuyết. Vì vậy, trong mô hình (3), các biến ngoại vi có liên quan đến đô thị hóa được đưa vào để xem xét một cách toàn diện hơn nguyên nhân nghèo đói của các hộ gia đình ở vùng ven (cột 6). Hệ số của hầu hết các biến mới đều có ý nghĩa thống kê, ngoại trừ hai biến KCTHMAI và KCTRHOC do các trung tâm thương mại và trường học ở các vùng ven đô thị thuộc ĐBSCL thường có quy mô nhỏ, hạ tầng chưa hoàn chỉnh nên ít tạo ra cơ hội việc làm và thu nhập cho người lao động.

Mô hình 3 cho thấy hệ số của biến KCDCHINH là 0,934 ở mức ý nghĩa 5% và $P_1 = 0,718$, nghĩa là khoảng cách từ nơi ở của hộ đến đường giao thông chính xa thêm 1 km, xác suất nghèo của hộ tăng lên thành 71,8%. Bên cạnh đó, biến KCTPHO có hệ số dương ($\beta_8 = 0,242$) và biến NGUONNUOC có hệ số âm ($\beta_{11} = -0,951$) cùng ở mức ý nghĩa 5%. Điều này cho thấy, khi khoảng cách từ nơi ở của hộ đến trung tâm thành phố xa thêm 1 km, xác suất nghèo của hộ tăng lên thành 56% và nếu hộ có nguồn nước sạch để sinh hoạt, xác suất nghèo của hộ chỉ còn 27,9%. Như vậy, sống càng gần trung tâm thành phố thì xác suất nghèo đói của hộ sẽ càng thấp vì dễ tiếp cận với cơ hội việc làm có thu nhập cao và ổn định. Đồng thời, khi có nguồn nước sạch dùng cho sinh hoạt thì xác suất lâm vào tình trạng nghèo đói sẽ thấp hơn.

Bảng 2. Kết quả hồi quy [6]

Biến số	Mô hình 1		Mô hình 2		Mô hình 3	
	Hệ số β	P_1	Hệ số β	P_1	Hệ số β	P_1
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Hằng số C	-2,228*** (-9,700)	-	3,081*** (4,070)	-	0,901 (0,700)	-
QHTREO	0,906*** (3,420)	0,712	1,182*** (3,240)	0,765	1,169** (2,460)	0,763
DIENTICH			-0,170*** (-2,930)	0,458	-0,207*** (-3,340)	0,448
THUNHAPLD			-6,123*** (-8,180)	0,002	-6,867*** (-8,090)	0,001
HOCVAN			0,330 (0,850)	-	0,238 (0,580)	-
DANGKT			-1,332*** (-3,260)	0,209	-0,901** (-2,050)	0,289
PHUTHUOC			0,088*** (7,200)	0,522	0,097*** (7,070)	0,524
KCDCHINH					0,934** (2,590)	0,718
KCTPHO					0,242** (1,980)	0,560
KCTHMAI					-0,303 (-1,450)	-
KCTRHOC					-0,183 (-0,700)	-
NGUONNUOC					-0,951** (-2,130)	0,279
NAM					1,182** (2,500)	0,765
Số quan sát (N)	563		563		563	
Hệ số xác định (R^2)	0,026		0,463		0,513	
Loglikelihood	-247,405		-136,466		-123,679	
Giá trị kiểm định mô hình	0,000		0,000		0,000	

Ghi chú: **: mức ý nghĩa 5% và ***: mức ý nghĩa 1%.

Nguồn: Tính toán từ số liệu tự khảo sát.

Không những thế, tình trạng nghèo đói của các hộ gia đình vùng ven đang tiếp diễn ngày một gay gắt hơn vì biến NAM có hệ số dương ($\beta_{12}=1,182$) ở mức ý nghĩa 5% và $P_1 = 0,765$, nghĩa là sau một năm, xác suất nghèo của hộ sẽ tăng lên thành 76,5%. Chứng tỏ, tình trạng nghèo đói ở vùng ven đô thị có chiều hướng tăng lên giữa hai năm 2008-2009 vì phải chịu đựng tình trạng quy hoạch “treo” kéo dài một cách dai dẳng.

Đặc biệt, với sự có mặt của các biến có liên quan trong mô hình (3), biến QHTREO vẫn có hệ số dương $\beta_1 = 1,169$ ở mức ý nghĩa 5% và $P_1 = 0,763$. Điều này có thể khẳng định quy hoạch “treo” là một trong những nguyên nhân chủ yếu làm tăng xác suất rơi vào tình trạng nghèo đói của các hộ gia đình vùng ven (thành 76,3%) vì quy hoạch “treo” tước mất cơ hội tạo ra thu nhập cho họ.

5. Kết luận và giải pháp

5.1 Kết luận

Đô thị hóa là yếu tố quan trọng góp phần thúc đẩy sự phát triển của một quốc gia vì nó làm thay đổi căn bản phương thức sản xuất, chuyển nền kinh tế từ sản xuất nông nghiệp truyền thống sang phương thức sản xuất hiện đại. Tuy nhiên, đô thị hóa chỉ thực sự mang lại hiệu quả như mong muốn khi nó được tiến hành một cách khoa học. Trong thời gian qua, ở một số địa phương, hiện tượng quy hoạch “treo” trở nên khá phổ biến và kéo dài dai dẳng, ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống của người dân cả về vật chất lẫn tinh thần. Vì vậy, chúng tôi thực hiện bài viết này để ước lượng ảnh hưởng của quy hoạch “treo” đến tình trạng nghèo đói của các hộ gia đình vùng ven đô thị bằng cách sử dụng số liệu sơ cấp được thu thập trực tiếp từ 563 hộ sống ở vùng ven các đô thị thuộc ĐBSCL.

Để đáp ứng mục tiêu bài viết, chúng tôi sử dụng mô hình nghiên cứu bao gồm các yếu tố nội tại của hộ (như diện tích đất canh tác, loại hình kinh tế của hộ, tình trạng việc làm của lao động trong hộ, trình độ học vấn của chủ hộ, tỷ lệ người sống phụ thuộc v.v..) và cả những yếu tố ngoại vi có liên quan đến đô thị hóa (như khoảng cách đến các tiện ích do đô thị mang lại, quy hoạch “treo” v.v..). Kết quả nghiên cứu cho thấy hầu hết các biến đều có ý nghĩa trong việc giải thích sự biến thiên của biến phụ thuộc, giống như kỳ vọng của mô hình lý thuyết. Tuy quy hoạch “treo” (QHTREO) là biến hoàn toàn mới nhưng lại có ảnh hưởng rất lớn đến tình trạng nghèo đói của hộ gia đình vùng ven. Như vậy, quy hoạch “treo” là một trong những nguyên nhân làm tăng tỷ lệ nghèo đói ở vùng ven các đô thị. Nói cách khác, việc quy hoạch đô thị thiếu khoa học sẽ tác động tiêu cực đến đời sống người dân vùng ven và đẩy họ vào tình trạng nghèo đói. Vì vậy, bên cạnh việc ước lượng ảnh hưởng của quy hoạch “treo” đến tình trạng nghèo đói các hộ gia đình vùng ven, bài viết còn đề xuất một số giải pháp nhằm khắc phục ảnh hưởng của quy hoạch “treo” để giúp xóa đói giảm nghèo ở các vùng ven đô thị.

5.2 Giải pháp

Kết quả ước lượng cho thấy quy hoạch “treo” là

nguyên nhân làm gia tăng xác suất nghèo đói ở vùng ven đô thị. Tình trạng nghèo đói không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của người dân mà nó còn kéo theo hàng loạt những hệ lụy trên phương diện kinh tế, chính trị và xã hội. Vì vậy, quy hoạch “treo” cần phải được xóa bỏ để giảm nghèo, tăng thu nhập, ổn định đời sống cũng như khôi phục lại niềm tin của người dân vào các chính sách của Đảng và Nhà nước. Để làm được điều đó, chúng tôi đề xuất một số giải pháp như sau:

- Cần xóa bỏ tư duy đô thị hóa bằng mọi giá mà không tính đến chiến lược dài hạn. Bên cạnh đó, cần khắc phục tình trạng vô cảm, thiếu trách nhiệm của một bộ phận cán bộ có liên quan đến quy hoạch. Ngoài ra, các thông tin về quy hoạch đất đai cũng cần được công khai, minh bạch. Hiện nay, người dân hầu như không được biết về các thông tin này và cũng không được phản hồi ý kiến. Do đó, một số cán bộ biến chất có dịp những nhiều và không ít các doanh nghiệp kinh doanh địa ốc tranh thủ cơ hội để trục lợi, gây ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống người dân.

- Công tác đào tạo, dạy nghề cho người lao động cần được thực hiện một cách nghiêm túc và có trách nhiệm vì thực tế cho thấy công tác này thường được thực hiện qua loa, chiếu lệ mà không chú trọng đến kết quả. Tình trạng này dẫn đến việc người dân vùng ven không có nghề nghiệp và phải làm những công việc tạm bợ với thu nhập thấp. Bên cạnh đó, cần chuyển tải đầy đủ và kịp thời các thông tin hướng nghiệp và thông tin về thị trường lao động đến người lao động vùng ven. Việc thiếu thông tin cần thiết đã khiến người lao động không nắm bắt kịp nhu cầu của thị trường nên đã không học những nghề phù hợp và không tìm được việc làm.

- Khuyến khích đầu tư vào vùng ven để tạo ra nhiều cơ hội việc làm phi nông nghiệp cho người dân nhằm giúp đa dạng hóa nguồn thu nhập của họ.

- Cần đẩy mạnh phát triển hệ thống tài chính vi mô để giúp người dân vùng ven có nhiều cơ hội tiếp cận với các nguồn vốn nhằm giải quyết nhu cầu về vốn để học nghề và kinh doanh của họ.

- Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục tại vùng ven nhằm nâng cao trình độ học vấn cho

người dân. Đặc biệt, tăng cường hỗ trợ cho con em các hộ nghèo đến trường. Đây là bước chuẩn bị lâu dài và vững chắc giúp người dân vùng ven nâng cao trình độ, dễ tìm được việc làm phù hợp, thu nhập ổn định■

CHÚ THÍCH

[1] Nguồn: Báo cáo của Chính phủ về tình hình kinh tế - xã hội năm 2009 và nhiệm vụ năm 2010.

[2] Hiện tượng lao động vùng ven vào thành phố tìm việc làm ngày càng nhiều là minh chứng rõ nét nhất cho lập luận này.

[3] Trong thời gian qua, các phương tiện truyền thông đại chúng đã lên tiếng về hiện tượng người dân vùng ven mắc các bệnh nguy hiểm do nhiễm phải chất thải hòa lẫn trong nguồn nước sử dụng. Các bệnh liên quan đến nước là vấn đề lớn ở VN vì hiện có đến 80% trường hợp bệnh tật do nguồn nước gây ra (Nguồn: *Tuổi trẻ*, thứ Tư 24-3-2010, tr. 2).

[4] Theo Quyết định số 170/2005QĐTTg của Thủ tướng Chính phủ, trong giai đoạn 2006-2010, những hộ có thu nhập dưới 200.000 đồng/người/tháng ở nông thôn và dưới 260.000 đồng/người/tháng ở thành thị được xem là hộ nghèo.

[5] Trước khi tiến hành hồi quy, chúng tôi đã kiểm định các giả thuyết hồi quy, đặc biệt là hiện tượng đa cộng tuyến. Kết quả kiểm định cho thấy các biến có thể sử dụng tốt trong mô hình hồi quy. Tuy nhiên, vì quy mô bài viết có hạn nên các kết quả kiểm định giả thuyết không được trình bày ở đây.

[6] Bài viết sử dụng giả định xác suất nghèo ban đầu của hộ là P_0 bằng 50%. Với các yếu tố khác không đổi, nếu Xi tăng thêm 1 đơn vị tính thì xác suất nghèo của hộ sẽ chuyển từ P_0 sang P_1 .

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Détang-Dessendre, C. & C. Gaigné (2009), “Unemployment Duration, City Size, and the Tightness of the Labor Market”, *Regional Science and Urban Economics* 39, tr. 266 – 276.

2. Haapanen, M. & H. Tervom (2009), “Self-employment Duration in Urban and Rural Locations”, *Applied Economics* 41, tr. 2449-2461.

3. Hundley, G. (2008), “Assessing the Horatio Alger Myth: Is Self-employment Especially Beneficial for Those from Less-Advantaged Family Backgrounds?”, *Research in Social Stratification and Mobility* 26, tr. 307 – 322.

4. Jacoby, H. (2000), “Access to Markets and the Benefits of Rural Roads”, *Economic Journal*, 110(465), tr. 713 – 737.

5. Songco, J.A. (2002), *Do Rural Infrastructure Investments Benefit the Poor? Evaluating Linkages: A Global View and a Focus on Vietnam*, Policy Research Working Paper Series 2796, The World Bank.

6. Sorek, G. (2009), “Migration Costs, Commuting Costs and Intercity Population Sorting”, *Regional Science and Urban Economics* 39, tr. 377 – 385.

7. Van de Walle, D. (2002), “Choosing Rural Road Investments to Help Reduce Poverty”, *World Development* 30(4), tr. 575 – 589.

